BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

TÀI LIỆU

THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN VỀ

CÔNG TÁC QUẢN LÝ BIÊN GIỚI, LÃNH THỔ

BÀI 1

TÌNH HÌNH BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN CỦA VIỆT NAM

I. TÌNH HÌNH BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

1. Tình hình chung

Đường biên giới trên đất liền Việt - Trung dài 1449,566 km, trong đó có 383,914km sông suối biên giới, đi qua địa bàn 07 tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh (phía Việt Nam) và 02 tỉnh Quảng Tây, Vân Nam (phía Trung Quốc).

Trước đây, đường biên giới giữa hai nước được hoạch định bằng các Công ước năm 1887 và 1895 giữa Pháp và nhà Thanh. Năm 1993 ta và Trung Quốc ký thoả thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới, lãnh thổ giữa hai nước. Ngày 30/12/1999, hai Bên ký Hiệp ước biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Sau khi Hiệp ước có hiệu lực, Việt Nam và Trung Quốc bước vào giai đoạn phân giới, cắm mốc tại thực địa trên toàn tuyến, hai Bên đã cắm 1379 mốc chính và 402 mốc phụ. Ngày 31/12/2008, Chính phủ hai nước Việt Nam - Trung Quốc đã long trọng tuyên bố hoàn thành công tác PGCM, đánh dấu một mốc son lịch sử trong quan hệ hai nước. Ngày 18/11/2009, Chính phủ hai nước đã ký kết 03 văn kiện Nghị định thư phân giới, cắm mốc; Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là 03 văn kiện). Ngày 14/7/2010, tại cửa khẩu Thanh Thủy (Việt Nam), Thiên Bảo (Trung Quốc), hai Bên đã tổ chức thành công Lễ tuyên bố 03 văn kiện chính thức có hiệu lực và hai nước sẽ chính thức quản lý đường biên giới theo Nghị định thư phân giới, cắm mốc; Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc (ký ngày 18/11/2009).

Việc hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc và ký kết 03 văn kiện về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc có ý nghĩa hết sức quan trọng, đã góp phần giải quyết ổn thỏa vấn đề biên giới, xây dựng đường biên giới Việt - Trung thành biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài; tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, giao lưu văn hóa - xã hội... vùng biên giới; mở rộng và làm sâu sắc thêm một bước mới trong quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc.

2. Các công việc triển khai quản lý, bảo vệ biên giới sau khi 03 văn kiện có hiệu lực

Ngày 14/7/2010, hai Bên long trọng tổ chức Lễ tuyên bố 03 văn kiện chính thức có hiệu lực, kết thúc quá trình giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, tạo căn cứ pháp lý để hai Bên thực thi việc quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc theo đường biên giới mới.

Sau khi 03 văn kiện có hiệu lực, hai Bên đã thành lập Ủy ban liên hợp biên giới trên đất liền để quản lý triển khai 3 văn kiện. Đến nay, Chính phủ đã ra quyết định thành lập Phân ban Việt Nam trong Ủy ban liên hợp, cử Chủ tịch Ủy ban liên hợp phía Việt Nam (27/10/2010); 8 Đại diện biên giới; Ủy ban Biên giới quốc gia – Bộ Ngoại giao là cơ quan làm đầu mối liên lạc với phía Trung Quốc để quản lý Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu. Các Bộ, ngành Trung ương phối hợp chặt chẽ với UBND 7 tỉnh biên giới phía Bắc tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo vệ đường biên, mốc giới theo đúng quy định của 3 văn kiện biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc với mục tiêu xây dựng một đường biên giới hoà bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển, tạo đà phát triển kinh tế xã hội và xây dựng đất nước. Hoàn thiện cơ cấu, tổ chức, bộ máy, văn bản pháp quy...trong công tác quản lý, bảo vệ biên giới phù hợp với tình hình mới theo các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, cụ thể : ban hành Quy chế hoạt động của Phân ban Việt Nam trong UBLH biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc (ngày 2/11/2011); phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan lập kế hoạch và dự toán kinh phí chi thường xuyên

triển khai 03 văn kiện biên giới. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 1326/CT-TTg ngày 27/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức triển khai thực hiện các văn kiện biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; làm tốt công tác thông tin tuyên truyền về tình hình biên giới và quản lý biên giới lãnh thổ theo 03 văn kiện pháp lý và các văn kiện về biên giới (NĐT phân giới, cắm mốc, Hiệp định về quy chế quản lý biên giới, và Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc); tổ chức thành công Hội nghị Sơ kết 1 năm thực hiện Chỉ thị 1326/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ (6/12/2011); tổ chức Hội nghị Quý I/2012 của Phân ban Việt Nam trong Uỷ ban liên hợp biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc tại Cao Bằng (23 - 27/4/2012); tổ chức sơ kết 2 năm triển khai thực hiện 03 văn kiện pháp lý (13/7/2012); sơ kết 3 năm thực hiện triển khai 03 văn kiện về biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/8/2013). Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện 03 văn kiện pháp lý về biên giới VN - TQ (Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/1/2016).

3. Nhận xét về tình hình quản lý đường biên giới trên đất liền Việt – Trung

a) Thuận lợi:

Hiện nay, quan hệ hai nước Việt Nam - Trung Quốc đang phát triển trên khắp các lĩnh vực. Biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc đã được hai Bên hoạch định. Với kết quả phân giới, cắm mốc, hai Bên đã có một đường biên giới pháp lý rõ ràng và một hệ thống cột mốc khá dày đặc (đặc biệt đối với các khu vực phức tạp có tiền lệ tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ). Các Hiệp định về quản lý biên giới có hiệu lực đã tạo cơ sở pháp lý và mở ra cơ hội cho giao lưu hợp tác phát triển hai Bên biên giới.

Về nội bộ, các Bộ, ngành Trung ương và 07 tỉnh biên giới đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý biên giới theo 03 văn kiện biên giới. Tình hình biên giới ổn định, các sự kiện biên giới đã được xử lý kịp thời. Cơ bản, hai Bên đã tuân thủ các quy định trong 03 văn kiện biên giới cũng như các thoả thuận của Uỷ ban liên hợp biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

b) Khó khăn:

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại: số mồ mả của dân biên giới ở trên lãnh thổ của bên kia còn khá lớn; công tác xây dựng kè sông suối, kè mốc giới của cả hai Bên Việt Nam và Trung Quốc đôi khi vẫn còn thực hiện không đúng quy định và thoả thuận làm phức tạp tình hình biên giới; Vấn đề bảo vệ nguồn nước sông suối biên giới (đặc biệt là chống ô nhiễm nguồn nước) còn nhiều bất cập; quản lý và bảo hộ lao động tự do khu vực biên giới sang Trung Quốc làm việc theo thời vụ còn nhiều bất cập, gây khó khăn cho công tác quản lý biên giới; các văn bản hướng dẫn, quy định chính sách còn mâu thuẫn và chưa được sửa đổi kịp thời với tình hình mới, gây khó khăn cho lực lượng quản lý biên giới (Nghị định 32/2005/NĐ-CP về Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền, Nghị định 34/2000/NĐ-CP về Quy chế khu vực biên giới đất liền).

Mặt khác, đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc phần lớn có địa hình hiểm trở, núi cao, suối sâu và có nhiều đường mòn qua lại hai Bên biên giới; Đời sống kinh tế văn hoá, xã hội của nhân dân khu vực biên giới còn nhiều khó khăn, mặt bằng dân trí thấp; nhận thức về đường biên, mốc quốc giới và pháp luật của một bộ phận nhân dân biên giới còn đơn giản cũng là một trong những khó khăn trong vấn đề quản lý của hai nước.

*** Nhận xét đánh giá**

Trong những năm qua kể từ khi ba văn kiện về biên giới có hiệu lực, tình hình biên giới cơ bản ổn định, lực lượng chức năng hai Bên Việt Nam và Trung Quốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý đường biên mốc giới, tuyên truyền vận động nhân dân hai bên biên giới tham gia bảo vệ đường biên mốc giới thực hiện nghiêm các văn kiện về biên giới. Các sự kiện biên giới đã được hai bên kịp thời phát hiện và xử lý. Các sự kiện biên giới nổi cộm nêu trên làm ảnh hưởng đến hướng đi của đường biên giới, mốc giới và trật tự an ninh trên biên giới. Để phòng ngừa có hiệu quả các sự kiện biên giới cần thực hiện nghiêm các vấn đề sau: Tiếp tục thực hiện nghiêm túc 3 văn kiện và các thỏa thuận liên quan trong công tác quản lý bảo vệ đường biên mốc giới, xây dựng dựng các công trình bảo vệ mốc, bảo vệ bờ sông suối biên giới, tuyên truyền, vận động, giúp đỡ, hỗ trợ nhân dân biên giới di dời mồ mả, thúc đẩy việc phát

quang thông tầm ở các khu vực đã được UBLH phê chuẩn; tăng cường công tác tuần tra song phương bảo vệ đường biên mốc giới; tăng cường việc giám sát việc xây dựng các công trình trên biên giới của phía Trung Quốc; tích cực tuyên truyền vận động nhân dân hai bên biên giới thực hiện đúng 3 văn kiện. Phát huy vai trò của các Đại diện biên giới trong xử lý các sự kiện biên giới và duy trì Quy chế quản lý biên giới.

BÀI 2

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC CÔNG VIỆC PHÁT SINH TRÊN BIÊN GIỚI

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC (1)

(Xây dựng, sửa chữa kè sông suối, kè bảo vệ cột mốc, sân mốc giới)

Cơ sở pháp lý:

1. *Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc (Điều 11, khoản 1,2,3,5,6);*
2. *Nghị định thư PGCM và bản đồ đính kèm;*
3. *Phụ lục 2, 3, Biên bản Vòng 1 UBLH biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc(14-17/3/2011);*
4. *Mục 4, Biên bản phiên họp đặc biệt UBLH biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc (28/9/2012).*

Stt	Chính quyền tỉnh biên giới	Bộ Ngoại giao	Các Bộ, ngành, Chính phủ	Ghi chú
1.	Thành lập tổ công tác liên ngành tiến hành khảo sát thực địa, đánh giá mức độ cấp thiết, tổ chức xây dựng thiết kế sơ bộ và khái toán vốn đầu tư, danh mục dự án kè			
2.	Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ: Ngoại giao, Quốc phòng, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Xây dựng.			

3.		Cho ý kiến về tính cấp thiết, sự cần thiết của các công trình kè nhằm bảo vệ sự ổn định của đường biên và mốc giới.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Bộ: Ngoại giao, Quốc phòng, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Xây dựng và chính quyền địa phương liên quan thống nhất Danh mục các dự án kè, quy mô đầu tư, thời gian thực hiện.	
4.			Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phê duyệt Danh mục dự án đầu tư các công trình kè sông suối, kè mốc biên giới.	
5.			Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Danh mục các dự án đầu tư và các	

			công trình kè sông suối, kè mốc biên giới. - Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản cho UBND tỉnh và các Bộ, ngành liên quan.	
6.	Trên cơ sở những danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, giao cho UBND huyện hội đàm, ký thoả thuận với chính quyền cấp huyện phía Trung Quốc về việc xây dựng kè sông suối, kè mốc giới; báo cáo kết quả hội đàm cho UBND tỉnh và Sở Ngoại vụ.			
7.	Sở Ngoại vụ được UBND tỉnh Uỷ quyền báo cáo và kiến nghị Phân ban Việt Nam thông báo với phía Trung Quốc về việc xây dựng kè sông suối, kè mốc giới.			
8.		Chủ tịch Phân ban Việt Nam gửi thư đề nghị Chủ tịch Phân ban phía Trung		

		Quốc phê chuẩn việc xây dựng kè sông suối, kè mốc giới của hai địa phương.		
9.		Sau khi thống nhất với phía Trung Quốc (Trung Quốc phê chuẩn), Phân ban Việt Nam thông báo cho UBND tỉnh triển khai thực hiện.		

* Đối với các công trình kè mốc mang tính cấp bách về nguồn vốn: Chủ tịch UBND các tỉnh biên giới được phép sử dụng nguồn vốn Dự phòng ngân sách Trung ương để triển khai trước và sau đó báo cáo các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại giao, Quốc phòng, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Xây dựng. Bộ Kế hoạch và đầu tư chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vốn. Các trình tự khác như trên.

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC (2)
(Phát quang đường thông tầm nhìn biên giới)

Cơ sở pháp lý:

1. *Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc (Điều 4,7);*
2. *Nghị định thư PGCM và bản đồ đính kèm;*
3. *Phụ lục 2, Biên bản Vòng 1 UBLH biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc(14-17/3/2011).*

Stt	Chính quyền tỉnh biên giới	Bộ Ngoại giao	Các Bộ, ngành, Chính phủ	Ghi chú
1.	Tổ chức đoàn liên ngành tiến hành khảo sát thực địa, đánh giá mức độ cần thiết, xây dựng kế hoạch phát quang: BCHBP tỉnh, Sở Ngoại vụ, UBND huyện biên giới.			
2.	Chỉ đạo sở Ngoại vụ hoặc BCHBP tỉnh báo cáo UBBG quốc gia, Bộ TLBĐ Biên phòng.			
3.		Cho ý kiến về sự cần thiết của việc phát quang nhằm làm rõ đường biên giới. Gửi công văn cho UBND tỉnh	Bộ TLBĐ Biên phòng theo dõi, nắm tình hình	

4.	Sau khi có ý kiến của Bộ Ngoại giao, UBNT tỉnh chỉ đạo UBND huyện hoặc Đại diện biên giới hội đàm, ký biên bản với Đại diện biên giới phía Trung Quốc và gửi báo cáo kết quả hội đàm về UBND tỉnh Sở Ngoại vụ.			
5.	Chỉ đạo Sở Ngoại vụ báo cáo Phân ban Việt Nam.			
6.		Chủ tịch Phân ban Việt Nam gửi thư đề nghị Chủ tịch Phân ban phía Trung Quốc phê chuẩn.		
7.		Sau khi phía Trung Quốc phê chuẩn, Phân ban Việt Nam thông báo cho UBND tỉnh triển khai thực hiện.		

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC (3)
(Cắm cọc đánh dấu đường biên giới)

Cơ sở pháp lý:

1. *Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc (Điều 5, khoản 6; Điều 6);*
2. *Nghị định thư PGCM và bản đồ đính kèm;*
3. *Phụ lục 2, Biên bản Vòng 1 UBLH biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc(14-17/3/2011).*

Stt	Chính quyền tỉnh biên giới	Bộ Ngoại giao	Các Bộ, ngành, Chính phủ	Ghi chú
1.	Tổ chức Đoàn liên ngành tiến hành khảo sát thực địa, đánh giá mức độ cần thiết, xây dựng kế hoạch triển khai (Sở Ngoại vụ, BCH BP tỉnh, huyện)			
2.	Chỉ đạo Sở Ngoại vụ hoặc BCHBP tỉnh báo cáo UBBG quốc gia, Bộ TLBĐ Biên phòng.			
3.		Cho ý kiến về sự cần thiết của việc cắm cọc đánh dấu nhằm làm rõ đường biên giới.	Bộ TLBĐ Biên phòng theo dõi, nắm tình hình	
4.	Sau khi có ý kiến của Bộ Ngoại giao, UBND tỉnh chỉ đạo UBND huyện hoặc Đại diện biên giới hội đàm, ký biên bản			

	với Đại diện biên giới phía Trung Quốc và gửi báo cáo kết quả hội đàm về Sở Ngoại vụ.			
5.	Chỉ đạo Sở Ngoại vụ báo cáo Phân ban Việt Nam.			
6.		Chủ tịch Phân ban Việt Nam gửi thư đề nghị Chủ tịch Phân ban phía Trung Quốc phê chuẩn.		
7.		Sau khi phía Trung Quốc phê chuẩn, Phân ban Việt Nam thông báo cho UBND tỉnh triển khai thực hiện.		

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC (4)
(Khôi phục mốc giới do Việt Nam thi công)

Cơ sở pháp lý:

1. *Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc (Điều 4; Điều 5, khoản 2,3,4,5);*
2. *Nghị định thư PGCM và bản đồ đính kèm;*
3. *Hồ sơ mốc giới: Biên bản cắm mốc, Bảng đăng ký mốc giới, Bảng kê toạ độ độ cao mốc giới;*
4. *Phụ lục 2, Biên bản Vòng 1 UBLH biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc(14-17/3/2011).*

Stt	Chính quyền tỉnh biên giới	Bộ Ngoại giao	Các Bộ, ngành, Chính phủ	Ghi chú
1.	Thành lập Đoàn liên ngành của tỉnh tiến hành kiểm tra đơn phương và song phương, xác định tình trạng mốc bị mất, gãy…(Sở Ngoại vụ, Biên phòng tỉnh, huyện…)			
2.	Sở Ngoại vụ hoặc BCHBP tỉnh báo cáo UBBG quốc gia, Bộ TLBĐ Biên phòng.			
3.		Bộ Ngoại giao báo cáo TTCP, gửi công văn cho UBND tỉnh và đề nghị Bộ Xây dựng sản xuất cột mốc theo đề nghị của UBND		

		tỉnh.		
4.			Bộ xây dựng tiến hành sản xuất và vận chuyển cột mốc về các địa phương	
5.	Sau khi có ý kiến của TTCP hoặc qua Bộ Ngoại giao, UBND tỉnh chỉ đạo UBND huyện hoặc Đại diện biên giới kiểm tra, ký biên bản với Đại diện biên giới phía Trung Quốc và gửi báo cáo kết quả về UBND tỉnh và Sở Ngoại vụ.			
6.	Chỉ đạo Sở Ngoại vụ báo cáo Phân ban Việt Nam.			
7.		Chủ tịch Phân ban Việt Nam gửi thư thông báo cho phía Trung Quốc biết thời gian tiến hành khôi phục cột mốc để phía Trung Quốc cử chuyên gia giám sát công việc (xây dựng và đo toạ độ, độ cao…).		
8.		Sau khi phía Trung Quốc phê chuẩn, Phân ban Việt Nam thông báo cho địa phương triển khai thực hiện.		

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC (5)
(Khôi phục mốc giới do Trung Quốc thi công)

Cơ sở pháp lý:

1. *Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc (Điều 4; Điều 5, khoản 2,3,4,5);*
2. *Nghị định thư PGCM và bản đồ đính kèm;*
3. *Hồ sơ mốc giới: Biên bản cắm mốc, Bảng đăng ký mốc giới, Bảng kê toạ độ độ cao mốc giới;*
4. *Phụ lục 2, Biên bản Vòng 1 UBLH biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc(14-17/3/2011).*

Stt	Chính quyền tỉnh biên giới	Bộ Ngoại giao	Các Bộ, ngành, Chính phủ	Ghi chú
1.	Thành lập Đoàn liên ngành của tỉnh tiến hành kiểm tra song phương, xác định tình trạng mốc bị mất, gãy…			
2.	Chỉ đạo UBND huyện hoặc Đại diện biên giới kiểm tra, ký biên bản với Đại diện biên giới phía Trung Quốc và gửi báo cáo kết quả về UBND tỉnh và Sở Ngoại vụ.			
3.	Chỉ đạo Sở Ngoại vụ hoặc BCHBP tỉnh báo cáo UBBG quốc gia, Bộ TLBĐ Biên phòng.			
4.		Phân ban Việt Nam thông báo thời gian xây dựng của phía TQ cho UBND tỉnh và Đại diện biên giới; Gửi công văn đề nghị		

		Bộ Tài nguyên và Môi trường cử chuyên gia giám sát phối hợp với phía TQ giám sát việc xây dựng và đo toạ độ mốc.		
5.	Chỉ đạo Sở Ngoại vụ và Đại diện biên giới giám sát phía Trung Quốc xây dựng			
6.			Bộ Tài nguyên và Môi trường cử chuyên gia giám sát phía Trung Quốc đo toạ độ, độ cao cột mốc.	

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC (6)

(Việc mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) và mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở trên biên giới)

(Theo Nghị định 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014)

Cơ sở pháp lý:

1. *Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc (Điều 23);*
2. *Hiệp định về cửa khẩu và Quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc (Điều 2, khoản 1,2,3,4, 5);*
3. *Nghị định thư PGCM và bản đồ đính kèm.*

A. Việc mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) thực hiện theo trình tự, thủ tục sau:

a. Theo đề nghị của BCH BĐBP tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh biên giới quyết định thành lập đoàn công tác đại diện các Sở, ngành liên quan của tỉnh, gồm: BCH BĐBP, BCH quân sự, Công an, Ngoại vụ, Công Thương, Y tế, hải Quan, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, UBND cấp huyện có cửa khẩu dự kiến mở, nâng cấp do BCH BĐBP tỉnh chủ trì tiến hành khảo sát xác định địa điểm mở, nâng cấp cửa khẩu, tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị, lực lượng kiểm tra, kiểm soát, lưu lượng ngươờ, phương tiện, hang hoá xuất, nhập. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành khảo sát, BCH BĐBP tỉnh tổng hợp kết quả khảo sát, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh về việc mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương);

b. Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngaà nhận được đề xuất của BCH BĐBP tỉnh về việc mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương), UBND tỉnh biên giới có văn bản gửi chính quyền địa phương cấp tỉnh biên giới nước láng giềng đề nghị tiến hành hội đàm thống nhất địa điểm, mở hoặc nâng cấp, kế hoạch thực hiện (dự kiến thời gian mở, nâng cấp) cửa khẩu;

c. Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội đàm với chính quyền cấp tỉnh biên giới nước láng giềng, UBND tỉnh biên giới báo cáo Chính phủ (thông qua Bộ Ngoại giao) hồ sơ về việc mở, nâng cấp cửa khẩu (01 bộ hồ sơ, gồm có: Sơ đồ, bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (bản chính); báo cáo đánh giá tác động đến kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh (bản chính); báo cáo lưu lượng người, phương tiện, hang hoá xuất, nhập (bản chiín); báo cáo lưu lượng người, phương tiện, hang hoá xuất, nhập (bản chính); bản sao biên bản thoả thuận, hội đàm).

d. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo hòo sơ mở, nâng cấp cửa khẩu của UBND tỉnh biên giới, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các

Bộ: Quốc phòng, Công an, Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế tiến hành khảo sát địa điểm cần mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính;

e. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành khảo sát, Bộ Ngoại giao tổng hợp kết quả khảo sát, ý kiến tham gia của các Bộ, báo cáo Chính phủ quyết định việc mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính;

f. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công hàm đồng ý mở, nâng cấp cửa khẩu của nước láng giềng thông qua đường ngoại giao, Bộ Ngoại giao thông báo cho UBND tỉnh biên giới để trao đổi thống nhất với chính quyền địa phương cấp tỉnh biên giới láng giềng, phối hợp tổ chức lễ công bố khai trương, mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính;

Trong 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của chính quyền địa phương cấp tỉnh biên giới láng giềng trả lời thống nhất thời gian tổ chức lễ công bố khai trương mở, nâng cấp quốc tế, cửa khẩu chính, UBND tỉnh biên giới thông báo cho các Bộ quy định (đã nêu ở trên) để phối hợp thực hiện.

B. Việc mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở trên biên giới thực hiện theo trình tự, thủ tục sau:

a. Theo đề nghị của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh biên giới quyết định thành lập đoàn công tác đại diện các Sở, ngành liên quan của tỉnh gồm: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Bộ Chỉ huy quân sự, Công an, Ngoại vụ, Công Thương, , Y tế, Hải quan, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài Chính, Giao thông vận tải, Uỷ ban Nhân dân cấp huyện có cửa khẩu phụ, lối mở dự kiến mở, nâng cấp do Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh chủ trì tiến hành khảo sát thực địa điểm mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị, lực lượng kiểm tra, kiểm soát, , lưu lượng người và phương tiện hàng hóa xuất, nhập. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành khảo sát, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tổng hợp kết quả khảo sát, đề xuất Chủ tịch UBNDT về việc mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới;

b. Trong thời hạn không qúa 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất của Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh về về mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, UBND tỉnh Biên giới có văn bản gửi chính quyền địa phương cấp tỉnh biên giới nước láng giềng đề nghị tiến hành hội đàm thống nhất địa điểm, thời gian mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới;

c. Trong thời gian không qúa 20 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội đàm với chính quyền cấp tỉnh biên giới nước láng giềng, căn cứ kết quả hội đàm, UBND tỉnh biên giới có văn bản xin ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Công an, Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế (Kèm theo 1 bộ hồ sơ gồm có: Sơ đồ, bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới; báo cáo đánh giá tác động đến kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh (bản chính); báo cáo lưu lượng người và phương tiện, hàng hóa xuất, nhập (bản chính), bản sao

biên bản thỏa thuận, hội đàm); Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của UBND tỉnh biên giới, các Bộ, ngành phải có văn bản trả lời;

d. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ quy định tại điểm c Khoản này, UBND tỉnh biên giới tổng hợp, báo cáo xin ý kiến TTCP (kèm theo 01 bộ hồ sơ, gồm có: Tờ trình Chính phủ (bản chính); sơ đồ, bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực dự kiến mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới (bản chính); báo cáo đánh giá tác động đến kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh (bản chính); báo cáo lưu lượng người, phương tiện, hàng hoá xuất, nhập (bản chính); báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành (bản chính); bản sao biên bản thoả thuận, hội đàm); Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo ý kiến đồng ý của Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh biên giới ban hành quyết định mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới và thông báo cho các Bộ quy định tại Điểm c Khoản này;

e. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, UBND tỉnh biên giới có văn bản chính thức gửi chính quyền địa phương cấp tỉnh biên giới nước láng giềng trao đổi thống nhất thời gian hoạt động chính thức của cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, UBND tỉnh biên giới thông báo cho các Bộ quy định tại Điểm c Khoản này để phối hợp thực hiện.

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC (8)

(Xây dựng cầu biên giới)

Cơ sở pháp lý:

1. *Nghị định thư PGCM và bản đồ đính kèm;*
2. *Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc (Điều 16);*
3. *Hiệp định về cửa khẩu và Quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc*

Stt	Chính quyền tỉnh biên giới	Bộ Ngoại giao	Các Bộ, ngành, Chính phủ	Ghi chú
1.	Thành lập đoàn liên ngành của tỉnh tổ chức khảo sát, xác định vị trí dự kiến xây cầu, thiết kế, quy mô, hình thức, thời gian xây dựng….			
2.	Thành lập đoàn liên ngành của tỉnh hội đàm, ký biên bản với chính quyền cấp tỉnh phía Trung Quốc việc xây cầu.			
3.	Gửi báo cáo các Bộ: Ngoại giao, Quốc phòng, Giao thông Vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.	Lấy ý kiến của các Bộ ngành liên quan về vị trí xây cầu và sự ảnh hưởng đến đường biên giới báo caá TTCP.	Văn phòng Chính phủ, Bộ kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông Vận tải phối hợp	

		Sauk hi có ý kiến chỉ đạo của TTCP, gửi công văn trả lời UBND tỉnh		
4.			Bộ Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp các Bộ: Quốc phòng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại giao; địa phương xây dựng dự thảo Hiệp định và Nghị định thư về việc xây cầu trên biên giới; trình Chính phủ cho phép đàm phán với phía Trung Quốc.	
5.	Cho ý kiến góp ý Dự thảo Hiệp định và Nghị định thư về việc xây cầu trên biên giới; tham gia đàm phán Hiệp định và Nghị định thư	Cho ý kiến góp ý Dự thảo Hiệp định và Nghị định thư về việc xây cầu trên biên giới; tham gia đàm phán Hiệp định và Nghị định thư	Bộ Giao thông Vận tải chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả đàm phán và kiến nghị Chính phủ phê duyệt nội dung Hiệp định và Nghị định thư về việc xây cầu trên biên giới.	
6.			Bộ Giao thông vận tải thừa uỷ quyền của Chính phủ ký Hiệp định và Nghị định thư xây dựng cầu với cơ quan được uỷ quyền của phía Trung Quốc	
7.			Trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn Hiệp định và nghị định	

			thư về việc xây cầu	
8.		Gửi Công hàm thông báo cho phía Trung Quốc về việc Việt Nam đã hoàn thành thủ tục nội bộ, đề nghị phía Trung Quốc trả lời.		
9.		Gửi Công hàm trả lời đồng ý việc xây dựng cầu.		
10.	Phối hợp với Bộ GTVT, BNG triển khai việc xây dựng cầu		Bộ GTVT chỉ đạo UBND tỉnh và các lực lượng chuyên môn tổ chức triển khai xây dựng cầu.	

Quy trình xây dựng công trình qua biên giới

Cơ sở pháp lý:

1. Nghị định thư PGCM và bản đồ đính kèm;
2. Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc;
3.Hiệp định về cửa khẩu và Quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc.

1. UBND tỉnh thành ập đoàn khảo sát liên ngành đi khảo sát thực địa, xác định vị trí công trình, quy mô công trình
2. UBND tỉnh chỉ đạo UBND huyện hoặc 1 Sở, ban ngành được UBND tỉnh uỷ quyền, thành lập đoàn liên ngành tiến hành hội đàm với phía Trung Quốc và khảo sát song phương vị trí công trình, quy mô, xác định vị trí đường biên giới cắt qua công trình; lập biên bản ký kết song phương. Xây dựng báo cáo gửi UBND tỉnh
3. UBND tỉnh hoặc uỷ quyền cho Sở Ngoại vụ gửi Báo cáo và kết quả hội đàm cho Bộ Ngoại giao
4. Sau khi nhận được Báo cáo của UBND tỉnh, Bộ Ngoại giao lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Công an và các Bộ liên quan, báo cáo TTCP chỉ đạo
5. Sau khi có ý kiến của TTCP, Bộ Ngoại giao có công văn trả lời UBND tỉnh và gửi công hàm đề nghị phía Trung Quốc phê chuẩn (cấp UBLH biên giới).
6. Sau khi UBLH biên giới hai nước phê chuẩn, UBND tỉnh tổ chức tiến hành xây dựng công trình theo quy định pháp luật và thoả thuận song phương.

Nội dung tuyên truyền tại Cao Bằng
Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc

I. Khái quát biên giới tỉnh Cao Bằng:

Đường biên giới tỉnh Cao Bằng dài 332,447 km (trong đó 35,006km biên giới đi theo sông suối) trải dài 9 huyện và 46 xã biên giới, tiếp giáp với 04 huyện (Long Châu, Đại Tân, Tịnh Tây, Nà Po) thuộc khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc. Đường biên giới của tỉnh bắt đầu từ mốc 520 và kết thúc ở mốc 962, toàn tỉnh có 632 cột mốc (564 mốc đơn, 56 mốc đôi, 12 mốc ba); với 467 mốc chính (419 mốc đơn, 36 mốc đôi, 12 mốc ba) và 165 mốc phụ (145 mốc đơn, 20 mốc đôi). Đường giao thông cơ bản đã lên các xã, thị trấn biên giới.

Trên địa bàn tỉnh có 03 cửa khẩu song phương (Tà Lùng, Trà Lĩnh, Sóc Giang); 03 cửa khẩu phụ (Pò Peo, Lý Vạn, Hạ Lang) và 01 lối mở (Nà Lạn). Cửa khẩu Tà Lùng được Chính phủ quyết định nâng cấp lên cửa khẩu quốc tế, nhưng phía Trung Quốc chưa hoàn tất thủ tục nội bộ. Ngoài ra, còn nhiều đường qua lại tạm thời, cặp chợ…

II. Quá trình đàm phán và ký Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc:

1. Khái quát tình hình khu vực:

Trong khu vực này đã cắm các mốc 835, 835/1, 835/2 (trên cồn Pò Thoong - phía trên thác); mốc đôi 836, trong đó: mốc 836(1) bên bờ Trung Quốc và 836(2) bên bờ Việt Nam (ở dưới chân thác).

Địa hình khu hợp tác phía ta bằng phẳng, rộng rãi, có dân cư trú và đất canh tác, nhiều đường đi lối lại, thuận lợi cho phát triển du lịch nhưng lại khó quản lý. Địa hình khu hợp tác phía Trung Quốc chủ yếu là núi cao, dốc đứng áp sát sông, giao thông độc đạo, mặt bằng cho phát triển du lịch ít nhưng lại rất dễ quản lý.

Về cơ sở hạ tầng của khu cảnh quan mỗi bên: phía Việt Nam có 01 nhà đón tiếp được xây từ trước ở phía trên thác; khu vực chùa Trúc Lâm Bản Giốc Việt Nam đã khánh thành giai đoạn 1 và đi vào hoạt động; khu nhà nghỉ của Sài Gòn Tourist cũng đã mở đón khách du lịch, hiện đang hoàn thiện cơ sở hạ tầng. Do đó, lượng khách du lịch thăm quan khu vực này tăng lên đáng kể, đặc biệt là khách thăm chùa vào dịp lễ, ngày nghỉ cuối tuần, thời điểm đông có thể lên tới

1000 người/ngày. Khu vực lân cận có động Ngườm Ngao, bản người dân tộc..... Phía Trung Quốc: cơ sở hạ tầng đã đầy đủ, khang trang và quy mô, đã xây dựng đường tham quan chạy dọc biên giới, đường lên núi vào bản, công viên cây xanh, một số nhà nghỉ.

Về tình hình hợp tác hiện nay: tại khu vực xung quanh mốc 835 (mốc 53 cũ), mỗi bên đã dành khoảng 01 ha để khách du lịch hai bên tự do qua lại thăm quan và mua đồ lưu niệm. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng ở khu vực này chưa được đầu tư xây dựng, đặc biệt là phía Việt Nam, hiện vẫn còn khoảng hơn 200m đường chưa được làm, có khoảng 150 quầy tạm bán hàng lưu niệm, được bố trí lộn xộn, ẩm thấp, xây dựng tạm bợ, chủ yếu bán các sản phẩm thủ công mỹ nghệ rẻ tiền, hầu như không thấy các sản phẩm đặc sản của địa phương. Phía Trung Quốc: đã xây dựng đường chạy dọc biên giới từ mốc 835 đến mốc 831, có khoảng 50 gian hàng lưu niệm được dựng dọc đường. Phần mặt nước sông Quây Sơn (phía dưới thác), thuyền, mảng nhỏ của hai bên được phép chở khách du lịch đi lại tự do ngắm phong cảnh thác nhưng không được lên bờ của phía Bên kia. Về lượng khách du lịch, phía Trung Quốc cho biết, trung bình hàng năm có khoảng 200.000 khách du lịch Trung Quốc đến tham quan.

2. Tiến trình đàm phán Hiệp định:

Khu vực thác Bản Giốc (phía Trung Quốc gọi là thác Đức Thiên) nằm trên sông biên giới Quây Sơn giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc, phía Việt Nam thuộc xã Đàm Thuỷ, huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng; phía Trung Quốc thuộc huyện Đại Tân, thành phố Sùng Tả, khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây. Trong quá trình PGCM, đây là một trong những khu vực nhạy cảm, khó giải quyết. Trải qua nhiều vòng đàm phán, hai bên thống nhất giải quyết khu vực này bằng giải pháp "cả gói", cụ thể: đường biên giới khu vực này đi từ mốc 835(mốc 53 cũ) lên cồn Pò Thoong rồi đến điểm giữa của mặt thác chính. Theo đó, toàn bộ thác phụ và 1/2 thác chính, 1/4 cồn Pò Thoong quy thuộc Việt Nam; 1/2 thác chính và 3/4 cồn Pò Thoong quy thuộc Trung Quốc. Hai bên cũng đã thống nhất cắm 02 mốc phụ, gồm: 835/1 trên bờ sông Quây Sơn, 835/2 trên cồn Pò Thoong. Hai bên cũng nhất trí sẽ xây dựng và ký hiệp định hợp tác khai thác phát triển du lịch tại khu vực thác biên giới Bản Giốc. Như vậy, sau khi kết thúc PGCM và ký 03 văn kiện pháp lý quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc (năm 2009), đường biên giới ở khu vực này đã được phân định rõ ràng, tạo điều kiện

thuận lợi cho công tác quản lý, bảo vệ biên giới lãnh thổ cũng như triển khai hợp tác trên tất cả các lĩnh vực giữa các địa phương hai bên biên giới.

Thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo cấp cao hai nước, tại cuộc gặp ngày 31/12/2008, Trưởng đoàn đàm phán cấp Chính phủ về biên giới lãnh thổ Việt Nam - Trung Quốc thống nhất: "*Hai Bên (Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Trung Quốc) sẽ trao đổi về việc cùng hợp tác khai thác tài nguyên du lịch khu vực thác Bản Giốc và ký Hiệp định giữa 2 Chính phủ về vấn đề này*". Trên cơ sở đó, từ năm 2010 ta đã tiến hành đàm phán với Trung Quốc về Hiệp định hợp tác cùng bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên du lịch ở khu vực thác Bản Giốc.

Từ năm 2010 đến năm 2015, hai Bên đã tiến hành 5 vòng đàm phán và đã ký chính thức Hiệp định nhân dịp chuyến thăm cấp nhà nước đến Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình ngày 5-6/11/2015. Ngày 16/6/2016, Hiệp định chính thức có hiệu lực.

3. Một số nội dung chính của Hiệp định

Hiệp định gồm 13 điều, đề cập đến các nội dung chính sau đây:

a. Về nguyên tắc:

- ***Không ảnh hưởng tới chủ quyền lãnh thổ và an ninh quốc gia*** của mỗi nước.

- Khu hợp tác thuộc lãnh thổ ***bên nào bên đó quản lý***; khu hợp tác phần thuộc lãnh thổ Việt Nam áp dụng luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phần thuộc lãnh thổ Trung Quốc áp dụng luật của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

b. Về phạm vi và diện tích khu hợp tác:

Diện tích khu hợp tác của mỗi bên khoảng 200 ha; phạm vi chạy dọc đường biên giới giữa hai nước, đã được xác định rõ ràng trong phân giới cắm mốc (phía Việt Nam từ mốc 831-837, phía Trung Quốc từ mốc 829 đến mốc 837), mở rộng vào nội địa của mỗi nước sao cho diện tích khu của mỗi bên khoảng 200 ha (*có kèm theo sơ đồ trình chiếu*).

c. Về mô hình quản lý khu cảnh quan:

Khu hợp tác du lịch được ***xây dựng khép kín***, trên cơ sở phạm vi tọa độ đã được xác định trong Hiệp định, mỗi bên sẽ xác định khu hợp tác bên mình trên thực địa và triển khai các biện pháp như: cắm biển báo, rào chắn...để khoanh

vùng 200 ha làm khu hợp tác. Mỗi bên tự xác định vị trí, quy mô, thiết kế của cổng vào Khu hợp tác của bên mình. Hai bên thỏa thuận trước mắt sẽ mở là 02 đường qua lại trên biên giới (ở khu vực mốc 835 và mốc 837) để khách du lịch của hai bên sang thăm quan khu cảnh quan phía bên kia.

Khu hợp tác được quản lý theo mô hình ***bên nào bên đó quản lý***: mỗi bên tự quản lý khu cảnh quan của bên mình.

d. Về quy trình kiểm tra, kiểm soát khách du lịch vào, ra Khu cảnh quan:

- Khu hợp tác du lịch Bản Giốc là một khu vực "đặc biệt", vì:

+ Khách du lịch có thể vào Khu cảnh quan của mỗi bên qua cổng của Khu cảnh quan được thiết lập trong nội địa của mỗi bên và được kiểm tra vé và giấy tờ tại đó.

+ Trường hợp khách du lịch của một bên muốn sang Khu cảnh quan phía bên kia phải mang theo hộ chiếu, giấy thông hành hoặc giấy tờ khác do hai bên thoả thuận. Hai bên thoả thuận sẽ tạo thuận lợi và đơn giản hoá các thủ tục kiểm tra, kiểm soát xuất nhập cảnh, Khi đi qua đường qua lại thiết lập trên đường biên giới, khách du lịch ***được miễn thị thực, không phải đóng dấu xuất nhập cảnh*** vào giấy tờ, tuy nhiên vẫn phải mua vé (đây chính là điểm "đặc biệt" của khu hợp tác du lịch thác Bản Giốc so với các khu vực khác).

- Khách du lịch khi thăm quan trong khu cảnh quan phía bên kia, về nguyên tắc phải đi về trong ngày; tuy nhiên, nếu muốn nghỉ qua đêm tại khu cảnh quan bên kia, thì phải tuân thủ pháp luật và quy định có liên quan của nước sở tại về lưu trú.

- Khách du lịch khi vào khu cảnh quan của nước bên kia, không được ra khỏi khu cảnh quan để vào nội địa phía bên kia, chỉ được thăm quan trong khu cảnh quan của hai bên.

e. Phối hợp quản lý khu hợp tác du lịch thác Bản Giốc:

- Trên cơ sở nguyên tắc khu cảnh quan của bên nào, bên đó quản lý, hai bên cũng thỏa thuận tăng cường phối hợp trong việc gìn giữ môi trường chung ở khu vực thác Bản Giốc; trao đổi và phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý thường ngày tại khu hợp tác du lịch; phối hợp trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự, phòng tội phạm, dịch bệnh…ở khu vực này.

4. Ý nghĩa của việc ký Hiệp định du lịch Bản Giốc

Mục tiêu cụ thể của việc ký Hiệp định là tạo khung pháp lý để ta và Trung Quốc triển khai hợp tác khai thác tiềm năng du lịch, đồng thời phối hợp hiệu quả để bảo vệ thác biên giới Bản Giốc - Đức Thiên. Việc triển khai các nội dung hợp tác trong khuôn khổ Hiệp định này sẽ góp phần tăng cường giao lưu hữu nghị; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cư dân biên giới hai nước; đảm bảo kết hợp hài hòa giữa quản lý nhà nước về biên giới, lãnh thổ với thúc đẩy phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội địa phương biên giới hai nước; góp phần xây dựng đường biên giới Việt - Trung thành đường biên giới hoà bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác cùng phát triển.

Hiệp định đã thể hiện nguyên tắc đảm bảo chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới, tuân thủ luật pháp quốc gia, luật pháp và tập quán quốc tế, trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi giữa Việt nam và Trung Quốc trong quản lý, bảo vệ, khai thác tiềm năng du lịch ở thác Bản Giốc.

Việc ký Hiệp định là bước tiếp theo của quá trình triển khai hợp tác trên nhiều lĩnh vực giữa ta và Trung Quốc ở khu vực biên giới theo thoả thuận của Lãnh đạo cấp cao hai nước, trên cơ sở 03 văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; một lần nữa thể hiện quyết tâm chung của hai nước đẩy mạnh quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc.

5. Về các công việc cần triển khai để thực thi Hiệp định

Căn cứ Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc;

Công văn số 317/VPCP-AHQT ngày 25/02/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc Kế hoạch tổ chức thực hiện Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Đức Thiên) Việt Nam - Trung Quốc.

Để triển khai Hiệp định, tỉnh Cao Bằng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện một số công việc sau đây:

5.1. Công việc cần triển khai ngay

Về đối nội:

(1) Hoàn tất Kế hoạch chi tiết thực hiện Hiệp định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để thực hiện.

(2) Uỷ ban nhân dân tỉnh chủ động bố trí nhân sự, quyết định thành lập Uỷ ban điều phối tỉnh Cao Bằng, tham khảo văn bản Điều lệ của Uỷ ban liên hợp biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc để dự thảo văn bản Điều lệ của Uỷ ban điều phối song phương, làm cơ sở trao đổi và thống nhất với Uỷ ban điều phối phía Trung Quốc ban hành Điều lệ quy định chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế hợp tác thực hiện Hiệp định của Uỷ ban điều phối.

(3) Chủ động, tích cực tuyên truyền tới người dân, đặc biệt là dân cư ở khu vực thác Bản Giốc, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan khu vực, đề cao tinh thần cảnh giác, ý thức bảo vệ đường biên, mốc giới của cư dân biên giới sau khi khu hợp tác đi vào vận hành.

(4) Căn cứ quy hoạch tổng thể khu du lịch Bản Giốc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chủ động phối hợp với Bộ Xây dựng và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xây dựng dự án triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ khu hợp tác du lịch, trình Chính phủ, cụ thể gồm:

+ Tu sửa, nâng cấp đoạn đường từ mốc 831 đến đoạn đường đấu nối vào khu vực mốc 835.

+ Đấu nối đường giao thông khu vực 835; xác định vị trí xây dựng nhà, trạm kiểm soát của lối mở (đường qua lại biên giới) tại khu vực mốc 835; xây dựng hàng rào biên giới từ mốc 831 về mốc 835.

+ Xây dựng hệ thống biển báo như: biển báo giới hạn phạm vi khu vực cảnh quan theo Hiệp định; biển báo nội quy ra vào, hoạt động của người, phương tiện trong khu vực cảnh quan.

+ Lắp đặt hệ thống camera phục vụ cho công việc theo dõi, quan sát, giám sát các hoạt động trong khu cảnh quan chung

+ Xây dựng nhà trạm kiểm soát liên hợp cho các ngành chức năng làm nhiệm vụ.

+ Xác định cổng ra vào trên các trục đường từ nội địa vào khu du lịch để xây dựng barie, nhà kiểm soát.

(3) Quy hoạch dân cư trong khu vực: bố trí tái định cho cư dân cư sống trong khu vực, để không ảnh hưởng đến việc vận hành khu cảnh quan.

<u>Về song phương</u>:

(1) Uỷ ban điều phối song phương triển khai Hiệp định và thống nhất thời điểm chính thức khai trương khu cảnh quan.

(2) Uỷ ban điều phối song phương xây dựng và thông qua Điều lệ quy định chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế hợp tác thực hiện Hiệp định.

5.2. Các công việc triển khai trong quá trình thực hiện Hiệp định:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch trong Khu cảnh quan:

+ Xây dựng đường tránh đi cửa khẩu Lý Vạn - Thạc Long, không đi xuyên qua khu cảnh quan như hiện tại, để đảm bảo quản lý khép kín.

+ Tôn tạo cảnh quan khu vực dưới chân thác và trên thác; xây dựng phương án tôn tạo mốc 836(2), đảm bảo không ảnh hưởng cảnh quan chân thác Bản Giốc.

+ Quy hoạch và xây dựng đường đi lại trong khu cảnh quan.

+ Quy hoạch chợ thương mại tại khu vực mốc 835, bảo đảm cảnh quan Khu du lịch.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới người dân, đặc biệt là dân cư ở khu vực biên giới, nhằm nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, cảnh quan khu vực; nâng cao tinh thần cảnh giác và ý thức bảo vệ đường biên, mốc giới của nhân dân.

- Phối hợp với các Bộ ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý đối với khu cảnh quan, quản lý và vận hành hiệu quả hoạt động của khu cảnh quan.

Điểm cần lưu ý là trong quá trình triển khai thực hiện Hiệp định, các công việc về đối nội và đối ngoại tiến hành song song, đảm bảo sự nhịp nhàng trong vận hành của Khu cảnh quan./.